

Bản án số: 349/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 4 - 2018
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiệp
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 802/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 , giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Lệ N, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: 123 Bờ Bao Tân Thắng, Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm: 1980.

Thường trú: Block B, Tầng 4, căn số 2, Chung cư Phú Thạnh, 54 Nguyễn Sơn, Phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang cai nghiện tại Trung tâm giáo dục đào tạo và giải quyết việc làm số 2, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà N có mặt, ông H có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Thị Lệ N trình bày: Bà và ông Trần Minh H tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31/KH, quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường Blao, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 13/4/2007.

Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông H có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, không có trách nhiệm với vợ con, bỏ bê công việc, tụ tập bạn bè, chơi bời. Bà đã nhiều lần khuyên can và tha thứ nhưng ông Hoàng vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Tháng 5/2015 bà cùng 02 con dọn ra khỏi nhà và sống ly thân từ đó đến nay, thời gian ly thân mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh H.

Về con chung: Bà N khai có 02 con chung tên Trần Khôi Ng, sinh ngày 15/5/2007 và Trần Ngọc Bảo H, sinh ngày 14/5/2012, hiện đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có.

Bị đơn- ông Trần Minh H trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà N về quá trình chung sống và đăng ký kết hôn như trên là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thành lập công ty nhưng làm ăn thua lỗ, từ đó mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, thỉnh thoảng ông có qua nhà thăm các con. Nay ông nhận thấy vẫn còn thương vợ con và không muốn gia đình tan vỡ nhưng vợ ông yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn không có thắc mắc gì.

Về con chung: Ông H khai có 02 con chung tên Trần Khôi Ng, sinh ngày 15/5/2007 và Trần Ngọc Bảo H, sinh ngày 14/5/2012. Khi ly hôn, ông đồng ý giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H khai không có.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên hòa giải để các đương sự giải quyết ly hôn nhưng do bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt vì không tham gia hòa giải được nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định tại các Điều 21, 28, 35, 39, 48, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 171, 173, 177, 220, 234, 239, 248, 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, ông H không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, thời gian ly thân mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà N xác nhận không còn tình cảm với ông H và yêu cầu được ly hôn. Ông H cũng đồng ý ly hôn. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31/KH, quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường Blao, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 13/4/2007 thì quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông H hiện có hộ khẩu thường trú tại phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục xét xử vắng mặt ông Trần Minh H: Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ và lời trình bày của bà N, ông Hg thể hiện quá trình chung sống mâu thuẫn phát sinh nguyên nhân chủ yếu là do ông H không có trách nhiệm với gia đình, thiếu sự quan tâm chăm sóc đến vợ con, mâu thuẫn về kinh tế. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Thời gian ly thân mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà N xác nhận không còn tình cảm với ông H và yêu cầu được ly hôn, ông H cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con chung: Bà N, ông H khai có 02 con chung tên Trần Khôi Ng, sinh ngày 15/5/2007 và Trần Ngọc Bảo H, sinh ngày 14/5/2012. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H cũng đồng ý giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông H cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà N được Tòa án chấp nhận, nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Lệ N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Lệ N được ly hôn ông Trần Minh H.

Quan hệ hôn nhân của bà Võ Thị Lệ N và ông Trần Minh H (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31/KH, quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường Blao, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 13/4/2007) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao bà N trực tiếp nuôi con chung tên Trần Khôi Ng, sinh ngày 15/5/2007 và Trần Ngọc Bảo H, sinh ngày 14/5/2012. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà N không yêu cầu.

+ Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Khi cần thiết, bà N có quyền yêu cầu ông Hoàng cấp dưỡng nuôi con.

+ Vì lợi ích con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên có thể xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông H cùng xác nhận không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng do bà Võ Thị Lệ N chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0009744 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Lệ N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Minh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TP. HCM;
- UBND phường Blao, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu VP, hồ sơ (Dương).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM -
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết Nhung